

AN ANALYSIS OF THE NECESSITY TO TRAIN AND DEVELOP DIGITAL HUMAN RESOURCES IN THE SPIRIT OF POLITBURO'S RESOLUTION NO. 57-NQ/TW 13TH TENURE

Tran Dang Bo

Thanh Do University

Email: tdbo@thanhdouni.edu.vn

Received: 11/6/2025; Reviewed: 14/6/2025; Revised: 18/6/2025; Accepted: 24/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.255>

Abstract: *Developing and utilizing high-quality human resources to meet the demands of scientific and technological advancement, innovation, and national digital transformation are among the key tasks and solutions for realizing Resolution No. 57-NQ/TW, dated December 22, 2024, issued by the 13th Politburo. Since the beginning of 2025, several studies have been conducted on the development of digital human resources to support national digital transformation and the growth of the digital economy, in alignment with the spirit of Resolution No. 57-NQ/TW. Although these studies have affirmed the necessity of developing digital human resources, none has clearly articulated the reasons behind this necessity. Based on the current state of digital human resources, this article elaborates on this necessity through six key aspects: the context of the resolution's issuance; its content, objectives, and vision; the role and importance of digital human resources; the current status of digital human resources; and the demands of the digital labor market.*

Keywords: *Training; Resolution 57-NQ/TW; Digital human resources; Development.*

1. Đặt vấn đề:

Sau gần 6 năm thực hiện Nghị quyết 52 ngày 27 tháng 09 năm 2019 của Bộ Chính trị khoá XII “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng 4.0” (Nghị quyết 52), nguồn nhân lực số (NNLS), nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu hụt so với mục tiêu ban đầu (Bộ Chính trị, 2024). Theo đó, NNLS, trong đó nguồn nhân lực công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số quốc gia (CĐSQG) luôn trong tình trạng vừa thiếu lại vừa thừa về số lượng, chất lượng còn nhiều hạn chế, cơ cấu chưa đáp ứng yêu cầu (Bộ và cộng sự, 2025). Với NNLS như vậy đã dẫn đến hệ lụy là: quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và CĐSQG còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nghiên cứu, ứng dụng KHCN, ĐMST chưa có bước đột phá, chưa làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi (Bộ Chính trị, 2024). Đây là nguyên nhân không chỉ hạn chế sự chủ động tham gia cách mạng 4.0, mà còn cản trở, kìm hãm sự phát triển KHCN, ĐMST và CĐSQG. Để khắc phục tình trạng này, một trong những nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị khoá

XIII “Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” xác định: cần phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, Nghị quyết 57 đang trong quá trình triển khai thực hiện, nên chưa thu hút học giả, nhà khoa học, nhà quản lý quan tâm nghiên cứu phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57, theo đó, chưa có nghiên cứu chuyên sâu luận giải sự cần thiết của việc đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57. Đây là khoảng trống khoa học mà bài viết sẽ tập trung giải quyết. Đó là lý do tác giả lựa chọn vấn đề “Luận giải sự cần thiết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số theo tinh thần Nghị quyết 57” làm đối tượng nghiên cứu của bài viết này.

2. Tổng quan nghiên cứu

Theo Nguyễn Thị Mai (2024), chỉ khi NNLS được bảo đảm cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý và có khả năng làm chủ công nghệ số trong khai thác, ứng dụng, thì mới có thể đổi mới phương thức điều hành, quản lý và thúc đẩy phát triển hiệu quả, bền vững. Tác giả khẳng định rằng: NNLS là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa mục tiêu CĐSQG. Tuy nhiên, nghiên cứu

chủ yếu tập trung vào việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển NNLS, mà chưa làm rõ tính cấp thiết của việc đào tạo và phát triển NNLS, đặc biệt là trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Trong bài viết "Phát triển nguồn nhân lực số của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới", Dương Thị Thu Thủy và Trần Thị Diệp Tuyền (2024) cho rằng để chuyển đổi số thành công hướng tới nền kinh tế số, bên cạnh sự hiện diện của NNLS, bản thân doanh nghiệp cũng cần hoàn tất quá trình chuyển đổi số nội bộ. Do đó, yêu cầu phát triển NNLS về cả số lượng, chất lượng và cơ cấu là khách quan và tất yếu. Mặc dù các tác giả thừa nhận tính cần thiết này, song chưa luận giải cụ thể tính cần thiết đó được thể hiện trên những phương diện nào và ở mức độ ra sao. Bài viết "Những vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn hiện nay" của Trần Đăng Bộ và cộng sự (2025) đã hệ thống hóa một số khía cạnh lý luận về chuyển đổi số, NNLS và phát triển NNLS. Nghiên cứu đã khái quát lịch sử hình thành và phát triển của chuyển đổi số, xác lập khái niệm về chuyển đổi số và NNLS, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57. Tuy nhiên, nhóm tác giả mới dừng lại ở mức khẳng định tính cần thiết mà chưa đi sâu luận giải lý do tại sao phát triển NNLS lại trở nên cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Tương tự, trong nghiên cứu "Phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị khóa XIII", Nguyễn Đức Thọ và Trần Đăng Bộ (2025) cho rằng để ba trụ cột – khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia – thực sự trở thành những đột phá chiến lược và là động lực then chốt thúc đẩy phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, yếu tố quyết định chính là NNLS. Mặc dù khẳng định phát triển NNLS là yếu tố quan trọng hàng đầu, song nghiên cứu chưa luận giải cụ thể tính cần thiết đó một cách có hệ thống. Ngô Đình Xây (2025) nhấn mạnh rằng để phát triển kinh tế số, cần có đội ngũ NNLS tương ứng. Trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng số hóa mạnh mẽ, việc đẩy mạnh đào tạo, phát triển NNLS – đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông là điều không thể thiếu. Tuy vậy, tác giả chưa đề cập sâu đến việc đào tạo

và phát triển NNLS theo định hướng và nội dung của Nghị quyết 57.

Ở góc nhìn tổng thể, Nguyễn Đức Thọ và Trần Đăng Bộ (2025a) nhận định rằng phát triển nguồn nhân lực nói chung và NNLS nói riêng là “khâu đột phá”, “yếu tố cốt lõi”, là “mắt khâu then chốt của then chốt” trong thực hiện mục tiêu CDSQG. Dù khẳng định đây là nhiệm vụ được ưu tiên cao trong các chiến lược quốc gia (Thủ tướng Chính phủ, 2022), nhưng các tác giả chưa đưa ra phân tích cụ thể và có chiều sâu về sự cần thiết đó.

Sự ra đời của Liên minh chiến lược đào tạo nhân lực nhằm hiện thực hóa Nghị quyết 57 – bao gồm Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Kỹ thuật mật mã, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghệ (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Trường Đại học FPT – được coi là một bước đi thực tiễn quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển NNLS trong giai đoạn hiện nay (Hà, 2025). Tuy nhiên, nghiên cứu liên quan vẫn chưa luận giải đầy đủ về tính tất yếu và vai trò trung tâm của việc phát triển NNLS trong tổng thể thực hiện CDSQG.

Tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy, hầu hết các nghiên cứu gần đây tập trung vào các giải pháp phát triển NNLS đáp ứng yêu cầu CDSQG, kinh tế số, chính phủ số và xã hội số, trong khi chưa có nghiên cứu nào đi sâu phân tích và làm rõ sự cần thiết đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57. Nguyên nhân một phần xuất phát từ thực tế rằng Nghị quyết 57 vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, quán triệt và triển khai, nên chưa thu hút được sự quan tâm nghiên cứu đầy đủ từ giới học thuật và quản lý. Đây chính là khoảng trống khoa học mà bài viết này hướng tới giải quyết.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp, định tính. Tài liệu phục vụ cho nghiên cứu này bao gồm: Kết quả từ một số công trình nghiên cứu về phát triển NNLS phục vụ CDSQG và phát triển kinh tế số; văn kiện Đảng và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến CDSQG và phát triển NNLS,... Trong đó, văn kiện Đảng là định hướng chính trị, văn bản quy phạm pháp là hành lang pháp lý hiện thực hoá chủ trương đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết số 57 – NQ/TW khóa XIII.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái quát thực trạng nguồn nhân lực số từ giữa năm 2024 đến nay

Sau gần 6 năm thực hiện Nghị quyết 52 và một số chính sách phát triển nguồn nhân lực để Việt Nam chủ động tham gia cuộc cách mạng 4.0; thực hiện Chương trình CĐSQG và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, nguồn nhân lực nói chung, NNLS nói riêng chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu (Thọ & Bộ, 2025a), nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, phát triển nguồn nhân lực còn nhiều rào cản cần được tháo gỡ. Về phát triển nguồn nhân lực, Thủ tướng Chính phủ đánh giá: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa góp phần tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế” (Chính, 2025). Thật vậy, nhiều nghiên cứu về NNLS ở Việt Nam đã chỉ ra rằng:

Một là, NNLS còn thiếu, chưa đáp ứng về mặt số lượng so với yêu cầu (Anh, 2024), trong khi tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao, nguồn nhân lực trẻ, năng động, sáng tạo, có năng lực tiếp thu tri thức mới như: Kỹ năng số, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số là lợi thế để bổ sung nguồn nhân lực, nhưng NNLS để phát triển kinh tế số rất thiếu về số lượng (Bộ & Hay, 2024). Theo đó NNLS luôn trong tình trạng vừa thiếu lực lượng lao động có kỹ năng lao động, vừa thiếu cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành ở mọi ngành, lĩnh vực; thừa lao động thủ công, lao động không qua đào tạo (Thọ & Bộ, 2025a). Đây là nguyên nhân làm cho năng suất lao động của Việt Nam thấp so với khu vực và thế giới, đồng thời là thách thức lớn cho quá trình hiện thực hoá Nghị quyết 57.

Hai là, chất lượng tuy đã được cải thiện, song chất lượng nguồn nhân lực nói chung, NNLS nói riêng còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường lao động số do kinh nghiệm nghề nghiệp hạn chế, thiếu kỹ năng mềm (Thọ & Bộ, 2025a). Mặc dù công tác tập huấn NNLS được chú trọng và thực hiện tương đối hệ thống, toàn diện với các hình thức đào tạo đa dạng, phù hợp với từng đối tượng (Anh, 2024), nhưng nguồn nhân lực vẫn xếp hạng thấp đến trung bình khá về chất lượng, nhất là lao động chuyên môn cao và năng lực sáng tạo khi so sánh với thế giới (Bộ & Hay, 2024). Có thể nói,

NNLS đang trong tình trạng thừa lao động ít kinh nghiệm nghề nghiệp, thiếu lao động có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp (Thọ & Bộ, 2025b). Nguyên nhân của tình trạng này là do tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo ở Việt Nam còn khá lớn, chất lượng đào tạo thấp, cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý (Dư, 2024).

Ba là, cơ cấu NNLS phục vụ chuyển đổi số chưa phù hợp, nhiều bất cập giữa ngành, lĩnh vực và trình độ đào tạo (Thọ & Bộ, 2025a), trong đó: nguồn nhân lực ở một số ngành, lĩnh vực phi chính thức tăng nhanh, nhưng trình độ đào tạo thấp, kỹ năng của người lao động hạn chế; nhất là một số ngành, lĩnh vực chủ yếu sử dụng công nghệ số (Thọ & Bộ, 2025a), nhất là các kỹ năng thích ứng, làm chủ các công nghệ đặc trưng của chuyển đổi số như: blockchain, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, khoa học dữ liệu (Anh, 2024). Mặt khác, tỷ lệ nguồn nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ số, kỹ thuật số còn thấp, theo đó chất lượng NNLS chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động của xã hội (Thọ & Bộ, 2025b). Trên thực tế, để làm việc trong môi trường số, tiến hành các hoạt động chuyển đổi số, đòi hỏi NNLS không chỉ có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng mềm tốt, còn phải trải qua quá trình tự học, tự đào tạo liên tục và có thời gian làm việc thực tế để tích lũy kinh nghiệm. Thực tiễn cho thấy, không ít người được đào tạo bài bản, có kiến thức chuyên môn tốt, nhưng chưa có thời gian trải qua thực tế nên thiếu, thậm chí không có kinh nghiệm nghề nghiệp.

Bốn là, cung và cầu nguồn nhân lực, nhất là NNLS chưa đáp ứng yêu cầu thị trường lao động hiện đại. Mặc dù Đảng, Nhà nước rất quan tâm tới đào tạo, phát triển NNLS phục vụ chuyển đổi số, song NNLS vẫn chưa đáp ứng nhu cầu do thiếu về số lượng, yếu về mặt chất lượng (Mai, 2024). Thực tế thị trường lao động cho thấy, nguồn cung NNLS từ các chương trình đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông chưa đáp ứng nhu cầu, nên nguồn nhân lực công nghệ thông tin thiếu hụt lớn; trong đó, doanh nghiệp phần mềm thuộc nhóm có tỷ lệ NNLS thiếu nhiều nhất. Có thể nói, nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số tốt nghiệp hàng năm không đáp ứng nhu cầu sử dụng, nên Việt Nam đứng trước nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực kỹ thuật cao để thực hiện CĐSQG. Không chỉ vậy, NNLS thiếu cả số

lượng lẫn những kỹ năng để làm chủ các chương trình CDSQG. Do tỷ lệ nguồn nhân lực qua đào tạo thấp, trình độ chuyên môn, kỹ năng, tay nghề chưa đạt yêu cầu, nên khả năng cạnh tranh của thị trường lao động rất hạn chế. Điều đó cho thấy, thị trường lao động ở Việt Nam nói chung, cung và cầu NNLS nói riêng, chưa có nhiều chuyển biến toàn diện, mọi mặt (Thọ & Bộ, 2025b).

Từ thực trạng NNLS có thể thấy, NNLS thiếu về số lượng; chất lượng thấp; cơ cấu nhiều bất cập giữa ngành, lĩnh vực, trình độ đào tạo; cung và cầu NNLS chưa đáp ứng yêu cầu thị trường lao động số.

4.2. Luận giải về sự cần thiết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số theo tinh thần Nghị quyết 57

Để khắc phục những hạn chế hiện tại của NNLS, Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (2024) đã xác định một trong những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm là “phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG”. Nhiệm vụ này thể hiện rõ tính cấp thiết trong việc đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57, xuất phát từ các luận điểm sau:

Thứ nhất, xuất phát từ bối cảnh ban hành Nghị quyết 57 khi cách mạng 4.0 phát triển rất nhanh với nhiều đột biến. Bộ Chính trị khoá XIII khẳng định, Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết 57 được ban hành nhằm phát huy tối đa vai trò của KHCN, ĐMST và CDSQG trong thúc đẩy đất nước phát triển (Minh và cộng sự, 2025) nhằm đáp ứng yêu cầu đó. Lý luận và thực tiễn phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới cho thấy, tuy rất quan trọng, nhưng KHCN, ĐMST và CDSQG không tự phát huy vai trò thúc đẩy phát triển. Để KHCN, ĐMST và CDSQG phát huy tối đa vai trò thúc đẩy đất nước phát triển, phải thông qua con người, đó là NNLS. Sở dĩ như vậy bởi: thế giới đang phát triển với nhiều thành tựu đột phá, trong đó yếu tố quyết định sự biến đổi về chất của sự phát triển là nguồn nhân lực (Bộ và cộng sự, 2024), nói cách khác, nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định trong mọi quá trình phát triển xã hội. Theo đó, NNLS không chỉ là nguồn lực hiện thực hoá Nghị quyết

57, mà còn là nhân tố chủ đạo xây dựng, thúc đẩy xã hội không ngừng phát triển, là lực lượng lao động xã hội - yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất trong kỷ nguyên số. Vì thế, đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57 là cần thiết.

Thứ hai, xuất phát từ nội hàm Nghị quyết 57 và yêu cầu CDSQG, phát triển kinh tế số, xã hội số. KHCN, ĐMST và CDSQG không chỉ là ba trụ cột, mà lần đầu tiên, KHCN cùng với ĐMST và CDSQG được xác định là đột phá quan trọng hàng đầu, trong đó chuyển đổi số là Chương trình quốc gia và phát triển kinh tế số, xã hội số là Chiến lược quốc gia. Có thể nói, mục đích của Nghị quyết 57, Chương trình CDSQG và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số khá tương đồng; đó là hướng tới một Việt Nam phát triển bứt phá, bền vững, cường thịnh; người dân giàu có, hạnh phúc; đạt mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045; trở thành quốc gia số an toàn, nhân văn và rộng khắp trong kỷ nguyên mới. Song mục đích không tự nó trở thành hiện thực nếu không có nguồn lực thực hiện. Để hiện thực hoá ba trụ cột của Nghị quyết 57, thì “nhân lực công nghệ số và người dân được phổ cập kỹ năng số đóng vai trò quyết định” (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Điều đó có nghĩa, NNLS giữ vai trò quyết định đối với quá trình hiện thực hoá Nghị quyết 57, Chương trình CDSQG và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số. Tuy nhiên, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa góp phần tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế (Chính, 2025). Do đó, đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57 là tất yếu khách quan, là vấn đề chiến lược rất cần thiết xuất phát từ nội hàm Nghị quyết 57 và yêu cầu CDSQG, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Thứ ba, xuất phát từ mục tiêu, tầm nhìn của Nghị quyết 57. Theo đó, đến năm 2030: Việt Nam thuộc 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số; đến năm 2045: Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về ĐMST, chuyển đổi số. Trong

đó nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST đạt 12 người/một vạn dân, có từ 40 - 50 tổ chức KHCN được xếp hạng khu vực và thế giới (Bộ Chính trị, 2024) và là một chỉ số rất quan trọng liên quan đến NNLS. Để hiện thực hoá mục tiêu, tầm nhìn này, Nghị quyết 57 xác định: “Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước” (Bộ Chính trị, 2024). Tuy không phủ nhận vai trò, tầm quan trọng của thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược, nhưng phải thừa nhận rằng vai trò, tầm quan trọng của các yếu tố này không ngang bằng nhau, trong đó nhân lực là yếu tố dẫn dắt, quyết định các yếu tố thể chế, hạ tầng, dữ liệu, công nghệ; bởi thể chế, hạ tầng, dữ liệu, công nghệ không chỉ là sản phẩm do con người phát minh, sáng tạo ra, mà con người - nguồn nhân lực còn là chủ thể quản lý, khai thác, sử dụng những sản phẩm này vì mục đích phát triển nhanh, bền vững. Vì vậy, đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57 là cần thiết, khách quan, không chỉ là nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo hay doanh nghiệp công nghệ số mà là trách nhiệm của hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Thứ tư, xuất phát từ vai trò, tầm quan trọng của NNLS trong hiện thực hoá Nghị quyết 57. Nếu Nghị quyết 57 xác định phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG “là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới” (Bộ Chính trị, 2024), thì NNLS không chỉ là nguồn lực quan trọng nhất trong các nguồn lực phát triển mà còn giữ vai trò quyết định, là động lực thúc đẩy tạo ra tốc độ nhanh và sự bứt phá vượt trội trong phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG. Về vai trò, tầm quan trọng của nguồn nhân lực đã có nghiên cứu chỉ ra rằng: Chính nguồn nhân lực mới là yếu tố cơ bản của mọi quá trình phát triển, bởi lẽ các yếu tố khác có thể sẽ có nếu có tri thức (Bộ và cộng sự, 2024). Do nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của NNLS trong phát triển, mà từ Đại hội XI của Đảng, cùng với việc hoàn thiện thể chế, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, thì phát triển nguồn nhân lực được Đảng ta lựa chọn là

một trong ba khâu đột phá chiến lược. Từ những vấn đề như vậy cho thấy, đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57 là cần thiết.

Thứ năm, xuất phát từ thực trạng NNLS hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân trong xã hội, nhất là các loại hình doanh nghiệp và các chủ thể kinh tế khác. Thực trạng NNLS ở mục 4.1 cho thấy: NNLS thiếu về số lượng; chất lượng thấp; cơ cấu nhiều bất cập giữa ngành, lĩnh vực, trình độ đào tạo; cung và cầu NNLS chưa đáp ứng yêu cầu thị trường lao động số. Sau gần 6 năm thực hiện Nghị quyết 52, nhưng tốc độ, sự bứt phá về phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG còn chậm là do chưa có NNLS tương xứng. Có thể nói, tồn tại, hạn chế của NNLS không chỉ là thách thức, mà đang là trở lực kìm hãm, hạn chế tiềm năng phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG. Hệ quả tất yếu là: quy mô, tiềm lực, trình độ KHCN, ĐMST và CDSQG còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nghiên cứu, ứng dụng KHCN, ĐMST chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi (Bộ Chính trị, 2024). Do đó, để gia tăng tốc độ, tạo sự bứt phá và đột phá trong phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG, thì NNLS giữ vai trò quyết định. Đó là lý do khẳng định sự cần thiết đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57.

Thứ sáu, xuất phát từ đòi hỏi của thị trường lao động số khi có sự tham gia của trí tuệ nhân tạo. Chúng ta đều nhận thấy, trong kỷ nguyên số - kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, khi chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang hiện hữu, thì nguồn nhân lực truyền thống sẽ bị thay thế bởi: nhân lực số, lao động số, nhân viên số, nhân viên ảo.. Cùng với sự hình thành, phát triển của NNLS là sự xuất hiện của thị trường lao động số. Trên thực tế, thị trường lao động số phát triển rất nhanh, ngày càng hoàn thiện, đang từng bước thay thế thị trường lao động truyền thống, nhất là từ khi có sự tham gia của trí tuệ nhân tạo. Tuy xuất hiện năm 1956, nhưng trí tuệ nhân tạo chỉ thật sự phát triển bứt phá từ năm 2022 khi ra đời ChatGPT (phiên bản dựa trên GPT-3.5). Đến nay, trí tuệ nhân tạo không chỉ có khả năng hiểu, học và thực hiện nhiều công việc tương tự như con người mà còn có thể suy luận, giải quyết công việc mà nguồn nhân lực truyền thống đang thực hiện ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Đặc biệt, khi

thành tựu cách mạng 4.0 được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, nhất là khi trí tuệ nhân tạo tham gia thị trường lao động số, thì tính chất cạnh tranh của thị trường này càng trở nên gay gắt, quyết liệt hơn. Mặc dù vậy, trí tuệ nhân tạo không phải là đối thủ trực tiếp cạnh tranh, loại trừ người lao động, làm cho người lao động mất việc làm; ngược lại, người lao động biết sử dụng trí tuệ nhân tạo mới là đối thủ cạnh tranh, dành lấy việc làm của người lao động không biết sử dụng trí tuệ nhân tạo. Có thể nói, thành ngữ “*Phi thương bất phú* - Không buôn bán thì không giàu” vốn tồn tại lâu đời như một triết lý kinh doanh, thì trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, thành ngữ này được thay thế bởi: “*Phi công bất thịnh* - Không có công nghệ không cường thịnh”. Nội hàm của thành ngữ này chỉ ra rằng, để đất nước cường thịnh, để mỗi con người giàu có và hạnh phúc hơn, con người phải có kiến thức công nghệ, biết sử dụng công nghệ và ở trình độ cao hơn là sáng tạo, làm chủ công nghệ. Muốn vậy, con người không chỉ được đào tạo bài bản về công nghệ, mà phải có đam mê nghiên cứu và phát triển công nghệ, tích cực tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên cập nhật thành tựu mới về công nghệ để chủ động thích ứng với sự thay đổi và phát triển của công nghệ mới, công nghệ số. Như vậy, sự cần thiết đào tạo, phát triển NNLS không chỉ đáp ứng yêu cầu hiện thực hoá Nghị quyết 57, mà còn là đòi hỏi bởi tính cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường lao động số khi có sự tham gia của trí tuệ nhân tạo.

5. Bàn luận và khuyến nghị:

Để tạo đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG, phải huy động sự tham gia của nhiều nguồn lực, thì nguồn lực quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định là NNLS, trong đó NNLS chất lượng cao là yếu tố cốt lõi. Từ kết quả tổng quan tình hình cho thấy, đào tạo, phát triển NNLS là cần thiết, có ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu chuyên sâu luận giải một cách cơ bản, toàn diện về sự cần thiết đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57. Vì vậy, luận giải sự cần thiết đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57 không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn góp phần “nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy” (Bộ Chính trị, 2024) của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu về đào tạo, phát

triển NNLS. Trên cơ sở đó “xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội” (Bộ Chính trị, 2024) về phát triển NNLS đáp ứng yêu cầu đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG.

Để đào tạo, phát triển NNLS theo tinh thần Nghị quyết 57, cần tiến hành một số giải pháp chủ yếu như: *Một là*, chú trọng giáo dục nhận thức về sự cần thiết, tầm quan trọng của đào tạo, phát triển NNLS; *Hai là*, rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển NNLS, ban hành “Chiến lược quốc gia phát triển nguồn nhân lực”; *Ba là*, tạo chuyển biến về chất lượng đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu đào tạo, phát triển NNLS theo Quyết định số 69/QĐ-TTg; *Bốn là*, đổi mới nội dung, phương pháp, mô hình dạy và học gắn với phát triển KHCN, ĐMST, CDSQG; *Năm là*, khuyến khích, hỗ trợ liên kết, hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học, tổ chức KHCN, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đào tạo, phát triển NNLS; *Sáu là*, tổ chức các khoá đào tạo, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số, trên cơ sở đó hình thành phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm xoá mù công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; *Bảy là*, có chính sách ưu đãi đặc thù để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ mới, công nghệ số và chuyên gia công nghệ số người nước ngoài tham gia đào tạo, phát triển NNLS; *Tám là*, tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo Việt Nam liên kết, hợp tác với nước ngoài về đào tạo, phát triển NNLS; thu hút các cơ sở đào tạo về kỹ thuật và công nghệ nước ngoài tham gia đào tạo, phát triển NNLS ở Việt Nam.

6. Kết luận

Từ sự luận giải trên đây có thể khẳng định, NNLS là điều kiện tiên quyết để hiện thực hoá Nghị quyết 57, thiếu NNLS không chỉ chiến lược về công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, hay Internet vạn vật không thể triển khai hiệu quả, mà mục tiêu, tầm nhìn của Nghị quyết 57 cũng khó thành hiện thực. Điều đó có nghĩa, để tạo đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG, thì NNLS giữ vai trò quyết định. Tuy nhiên, NNLS hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu tạo đột phá phát triển bởi còn nhiều hạn chế, bất cập cả về số lượng, chất lượng lẫn cơ cấu. Vì vậy, đào tạo, phát triển

NNLS theo hướng: “Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDSQG” (Bộ Chính trị, 2024) không chỉ là nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo hay doanh nghiệp công nghệ số mà là

nhiệm vụ chiến lược của cả hệ thống chính trị nhằm bảo đảm năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

- Anh, P. H. N. (2024), *Phát triển nguồn nhân lực so trong tiến trình chuyển đổi số hiện nay*. Truy cập ngày 01 tháng 5 năm 2025 từ <https://lyluanchinhtri.vn/phat-trien-nguon-nhan-luc-so-trong-tien-trinh-chuyen-doi-so-hien-nay-6578.html>.
- Bo Chính trị (2024), *Nghi quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 Về đợt phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bo, T. D. & Hay, N. T. (2024), Phát triển nguồn nhân lực so đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số: Thực trạng và giải pháp. *Tap chi Kinh tế và Du báo*, 14(880)
- Bo, T. D. & Thịnh, B. D. (2024). Phát triển nguồn nhân lực so đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số trong quá trình chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam. *Tap chi Nghien cuu Khoa học và Phát triển*, 3(2), 1-9. Doi: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v3i2.140>.
- Bo, T. D., Hay, N. T. & Thịnh, B. D. (2024), Luận giải về sự cần thiết phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam hiện nay, *Tap chi Nghien cuu Khoa học và Phát triển* 3(1), 32-40. Doi: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v3i1.118>.
- Bo, T. D., Tho, N. D. & Trong, N. V. (2025), Những vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực so đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn hiện nay. *Tap chi Nghien cuu Khoa học và Phát triển* 4(1), 1-9. Doi: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i1.220>.
- Chính, P. M. (2025). *Đổi mới, sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, đưa đất nước vùng bước tiến vào Kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc*. Truy cập ngày 01 tháng 5 năm 2025 từ <https://ictvietnam.vn/doi-moi-sang-tao-tang-toc-but-pha-dua-dat-nuoc-vung-buc-tien-vao-ky-nguyen-vuon-minh-phat-trien-giau-manh-van-minh-thinh-vuong-cua-dan-toc-68565.html>.
- Du, T. V. (2024). *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của nước ta hiện nay*. Truy cập ngày 01 tháng 5 năm 2025 từ <https://vietnamhoinhap.vn/vi/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-cua-nuoc-ta-hien-nay-48897.htm>.
- Ha, N. (2025). *Lap lien minh chien luoc de dao tao nhan luc, hien thuc hoa Nghi quyết 57-NQ/TW*. Truy cập ngày 7 tháng 5 năm 2025 từ <https://baodautu.vn/lap-lien-minh-chien-luoc-de-dao-tao-nhan-luc-hien-thuc-hoa-nghi-quyet-57-nqtw-d280469.html>.
- Mai, N. T. (2024). *Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Truy cập ngày 05 tháng 5 năm 2025 từ <https://kinhtevadubao.vn/nguon-nhan-luc-cho-chuyen-doi-so-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-30382.html>.
- Minh, T. N., Na, P. T. A. & Dung, V. V. (2025). *Nghi quyết số 57-NQ/TW và vai trò thúc đẩy đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*. Truy cập ngày 6 tháng 5 năm 2025 từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/1091102/ngghien-quyet-so-57-nq-tw-va-vai-tro-thuc-day-dat-nuoc-buc-vao-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc.aspx>.
- Tho, N. D. & Bo, T. D. (2025a), Phát triển nguồn nhân lực so đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII. *Tap chi Kinh tế và Quan lý*, 77
- Tho, N. D. & Bo, T. D. (2025b). Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực so đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về Đợt phá phát triển Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Động lực quan trọng để đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới*. Hà Nội
- Thu tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số*

- 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 Phe duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xa hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Thu tướng Chính phủ. (2019). *Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Thu tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025*.
- Thuy, D. T. T & Tuyen, T. T. D. (2024). *Phát triển nguồn nhân lực số của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới*. Truy cập ngày 6 tháng 5 năm 2025 từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/02/22/p-hat-trien-nguon-nhan-luc-so-cua-doanh-nghiep-viet-nam-trong-boi-can-h-moi/>.
- Xay, N. D. (2025), *Nguồn nhân lực số trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*. Truy cập ngày 8 tháng 5 năm 2025 từ <https://lyluanchinhtri.vn/nguon-nhan-luc-so-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-6695.html>.

LUẬN GIẢI SỰ CẦN THIẾT ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC SỐ THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHOÁ XIII

Trần Đăng Bộ

Trường Đại học Thành Đô

Email: tdbo@thanhdowni.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/6/2025; Ngày phản biện: 14/6/2025; Ngày tác giả sửa: 18/6/2025;

Ngày duyệt đăng: 24/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.255>

Tóm tắt: Phát triển, trọng dụng nhân lực, nhân tài chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là một trong những nhiệm vụ, giải pháp để hiện thực hoá Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị khoá XIII. Từ đầu năm 2025 đến nay đã có một số nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực số phục vụ chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tuy tác giả của các nghiên cứu đã khẳng định, phát triển nguồn nhân lực số là cần thiết, song chưa có nghiên cứu nào làm rõ sự cần thiết này. Trên cơ sở thực trạng nguồn nhân lực số, bài viết này luận giải sự cần thiết đó với sáu lý do: bối cảnh ban hành; nội hàm và mục tiêu, tầm nhìn của Nghị quyết; vai trò, tầm quan trọng của nguồn nhân lực số; thực trạng nguồn nhân lực số; đòi hỏi của thị trường lao động số.

Từ khóa: Đào tạo; Nghị quyết 57-NQ/TW; Nguồn nhân lực số; Phát triển.